

GIÁO HỘI CÔNG GIÁO VỚI MÔI TRƯỜNG, SINH THÁI

Tóm tắt: Nghiên cứu về mối quan hệ giữa tôn giáo và môi trường, sinh thái đã được tiến hành từ những năm 1980 trên các phương diện như thần học, đạo đức, mối tương quan giữa niềm tin tôn giáo với thái độ và thực hành bảo vệ môi trường. Dựa trên sự tổng hợp, phân tích tư liệu và kết quả của các nghiên cứu trước, bài viết tiếp cận vấn đề Công giáo và môi trường, sinh thái dưới hai chiều kích: Thứ nhất: Giáo hội Công giáo đã phổ biến các giá trị và thế giới quan để các tín đồ Công giáo nhận thức được sự khủng hoảng môi trường, biến đổi khí hậu, khuyến khích quan tâm tới môi trường, sinh thái; Thứ hai: Các tổ chức, phong trào của Công giáo đã thực hành bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu thông qua các chương trình tiết kiệm năng lượng, tiêu thụ năng lượng bền vững, bảo vệ đất đai, chống chặt phá rừng. Nghiên cứu được thực hiện theo phương pháp lịch đại để phác họa tiến trình nhận thức, những thay đổi quan trọng về thần học và hành động của Giáo hội Công giáo vì môi trường, sinh thái. Bài viết được trình bày theo ba nội dung: 1) Quan điểm, thái độ của Giáo hội Công giáo trước cuộc khủng hoảng môi trường, sinh thái cuối thế kỷ XX; 2) Giáo hội Công giáo kêu gọi trách nhiệm đạo đức của nhân loại với môi trường, sinh thái; 3) Hành động của Giáo hội Công giáo ứng phó với các vấn đề môi trường, biến đổi khí hậu.

Từ khóa: Công giáo; môi trường; sinh thái; biến đổi khí hậu.

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Bài viết được hình thành từ nội dung chuyên đề thuộc Đề tài Khoa học cấp Bộ: *Tôn giáo ở Việt Nam với việc bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu* (Nghiên cứu trường hợp Phật giáo, Công giáo, Tin Lành) do TS. Vũ Thị Thu Hà (Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam) làm chủ nhiệm.

Ngày nhận bài: 03/7/2020; Ngày biên tập: 03/8/2020; Duyệt đăng: 17/8/2020.

Dẫn nhập

Vấn đề ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu và sự suy thoái của các hệ sinh thái đã ảnh hưởng đến tất cả các quốc gia trên toàn cầu. Mọi quan hệ giữa tôn giáo và môi trường, sinh thái đã chiếm được vị trí ưu tiên trong thần học, đạo đức và nghiên cứu tôn giáo từ những năm 1980. Các cuộc khảo sát với phương pháp tiếp cận Xã hội học, Nhân học đã thực hiện để đo lường mối tương quan giữa niềm tin tôn giáo của người thực hành với thái độ, hành vi bảo vệ môi trường. Jean-Guy Vaillancourt và Madeleine Cousineau đã phụ trách xuất bản các bài viết về tôn giáo và môi trường trên tạp chí *Social Compass*, số 44 (3), tháng 9 năm 1997. Chuyên khảo về biến đổi khí hậu và chuyển đổi năng lượng do Cristián Parker phụ trách cũng đã được công bố trên tạp chí *Social Compass*, số 62 (3), tháng 9 năm 2015.

Lynn White¹ với bài viết “Nguồn gốc lịch sử cuộc khủng hoảng hệ sinh thái của chúng ta” (*The Historical Roots of Our Ecologic Crisis*) xuất bản trên tạp chí *Science* năm 1967 đã mở ra các cuộc tranh luận về mối quan hệ giữa tôn giáo và cuộc khủng hoảng sinh thái.

Lynn White đã cho rằng, truyền thống Do Thái-Kitô giáo (the Judeo-Christian tradition) là nguyên nhân của cuộc khủng hoảng sinh thái bởi vì nền khoa học và công nghệ phương Tây đã chịu ảnh hưởng của truyền thống đó. White lập luận rằng, đức tin phương Tây trong tiến trình liên tục đã không thể tách khỏi truyền thống Do Thái-Kitô giáo. Kitô giáo đã kế thừa khái niệm của người Do Thái về thời gian và câu chuyện sự sáng tạo. Câu chuyện mô tả sự sáng tạo hoàn thiện dần dần với sự sáng tạo loài người. Sự thống trị của nhân loại đối với thiên nhiên đã được thể hiện rõ ràng trong Sáng thế ký của Kinh Thánh thông qua việc giao cho loài người quyền cai trị tất cả các sinh vật khác và chinh phục Trái Đất (Boersema, Blowers & Martin, 2008: 217).

Một số học giả cho rằng, bài viết của Lynn White đã cáo buộc thế giới quan Kitô giáo về các vấn đề môi trường. Dù được chấp

nhận hoặc gây tranh cãi, luận điểm đáng chú ý của White đã đặt ra chương trình nghị sự cho các nền thần học môi trường Kitô giáo trong những thập niên sau (Jenkins W, 2008: 11). Cho tới nay luận điểm của White vẫn chưa được xác nhận hay có thể bác bỏ. Tuy nhiên, lý thuyết của ông đã dẫn tới sự quan tâm nghiên cứu mối quan hệ giữa tôn giáo và môi trường. Các nhà thần học Kitô giáo cũng đưa ra cách diễn giải một số điểm trong Kinh Thánh.

Theo quan điểm Dekker và các tác giả khác (1997), Kitô giáo không phải là ảnh hưởng duy nhất đến thái độ đối với môi trường do đó, không thể quy kết tất cả lỗi cho Kitô giáo trong cuộc khủng hoảng môi trường. Theo quan điểm của Greeley (1993) những hình ảnh thân thiện của Thiên Chúa và trào lưu chính thống Kinh Thánh² (le fondamentalisme biblique) có những ảnh hưởng trái ngược và sự hoài nghi đó (la non croyance) đã có xu hướng dẫn đến sự ủng hộ các quan điểm sinh thái (Trích theo Parker, 2015b: 347).

Bên cạnh đó, các nhà nghiên cứu cũng tìm hiểu, nghiên cứu thái độ ứng xử với thiên nhiên môi trường của các tôn giáo khác ngoài Kitô giáo, đặc biệt là các tôn giáo phương Đông, như: Phật giáo, Đạo giáo, Hindu giáo và tôn giáo của các cư dân bản xứ tại châu Mỹ.

Đối mặt với cuộc khủng hoảng môi trường và sự gia tăng ảnh hưởng của sinh thái chính trị³, hầu hết các tôn giáo trên thế giới đã đưa ra quan điểm về những thách thức lớn đối với sự phát triển bền vững và đặc biệt về sinh thái, bảo vệ môi trường. Các tôn giáo thuộc Kitô giáo đã tham gia tích cực vào phong trào bảo vệ môi trường. Hồng y Reinhard Marx, Chủ tịch Hội đồng Giám mục Liên minh Châu Âu (Commission des évêques de l'Union européenne) trong Hội đồng Đại kết các Giáo hội (Conseil œcuménique des Églises), đã kêu gọi một nền văn hóa mới tôn trọng sự sáng tạo, đoàn kết và công bằng để sự phát triển của nhân loại có giá trị chân chính và đích thực (Sajaloli và Grésillon, 2016).

1. Quan điểm, thái độ của Giáo hội Công giáo trước cuộc khủng hoảng môi trường, sinh thái cuối thế kỷ XX

Công đồng Vatican II nhấn mạnh vào sự cần thiết phải chia sẻ công bằng các nguồn tài nguyên thiên nhiên và tầm quan trọng của đặc tính cộng đồng được dành riêng cho con người trong Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes/ Hạnh phúc và Hy vọng* (1965): “Thiên Chúa đã tạo dựng Trái Đất và mọi vật trên đó là để mọi người và mọi dân tộc sử dụng. Vì thế của cải trần gian phải tràn đầy đồng đều cho mọi người, theo luật công bằng là một luật đi liền với luật Bác ái”⁴.

Vào thập niên 1960 và 1970, nhiều tin tức thời sự về khoa học, chính trị và các thảm họa sinh thái, như: tai nạn công nghiệp Seveso, sự cố tràn dầu Torrey Canyon và Amoco Cadiz, tai nạn hạt nhân trên đảo Three Mile đã dẫn tới sự chuyển hướng của Giáo hội Công giáo.

Sự thống trị của nhân loại đối với muôn loài trên Trái Đất⁵ là chủ đề ít được quan tâm thảo luận cho đến khi xuất hiện các cuộc khủng hoảng sinh thái và đặc biệt sự chỉ trích của White đã thúc đẩy Giáo hội Công giáo kiểm tra lại văn bản Sáng thế kỷ. Giáo hoàng Paul VI, kế tiếp là Giáo hoàng Jean-Paul II đã điều chỉnh cách giải nghĩa Kinh Thánh: quyền năng được ban cho con người trở nên tạm thời hơn, quyền năng đó phải chịu sự giám sát phê phán của Thiên Chúa và loài người (Sajaloli và Grésillon, 2016).

Giáo hoàng Paul VI đã đặt câu hỏi về chủ thuyết coi loài người là trung tâm vũ trụ với một quan điểm tiến bộ trong Thông điệp *Populorum Progressio/ Sự phát triển của các dân tộc* (ngày 26 tháng 3 năm 1967): “Hãy lan tràn khắp mặt đất và hãy khắc phục Trái Đất” (Sáng thế kỷ 1: 28). Lời đó dạy chúng ta rằng tất cả vũ trụ này được tạo dựng nên cho con người; con người có bổn phận phải dùng tài năng của mình để tăng giá trị của vũ trụ, và dùng việc làm của mình mà hoàn thành vũ trụ để hưởng dụng. Trái Đất đã được tạo dựng nên để cung cấp phương tiện sinh

sống và khí cụ tiến bộ cho mỗi người, thì mỗi người có quyền tìm thấy ở trong đó những điều cần thiết cho mình” (Trung tâm học vấn Đa Minh, 2018).

Năm 1970 đánh dấu sự chuyển biến quan trọng về thái độ của Giáo hội Công giáo với môi trường, sinh thái. Trong bài phát biểu nhân dịp kỷ niệm 25 năm thành lập tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc - FAO⁶ (ngày 16 tháng 11 năm 1970), Giáo hoàng Paul VI đã bày tỏ mối quan tâm của mình: “Nhân loại phải mất hàng ngàn năm để học cách chế ngự thiên nhiên, ‘khuất phục Trái Đất’ là cụm từ được truyền cảm hứng từ cuốn sách đầu tiên của Kinh Thánh (Sáng thế ký 1: 28). Đã đến lúc nhân loại phải chế ngự sự thống trị của mình và việc làm cần thiết này đòi hỏi sự can đảm và kiên định không kém so với sự chinh phục thiên nhiên. Sự thống trị tiến bộ phi thường đòi sống thực vật, động vật, con người, sự phát hiện ra những bí mật của vật chất liệu có dẫn đến việc chống vật chất và bùng nổ chết chóc? Trong giờ quyết định lịch sử này, loài người dao động, ngập ngừng giữa sợ hãi và hy vọng. Ai không nhìn thấy điều này? Sự tiến bộ khoa học phi thường nhất, năng lực kỹ thuật đáng kinh ngạc nhất, tăng trưởng kinh tế phi thường nhất, nếu những tiến bộ đó không thực sự đi cùng với tiến bộ xã hội và đạo đức, cuối cùng chính những tiến bộ đó sẽ chống lại con người” (Sajaloli và Grésillon, 2016).

Thông điệp của Giáo hoàng Paul VI cho thấy sự cần kíp trong việc kiềm chế sự thống trị của nhân loại đối với muôn loài trên Trái Đất. Việc này cũng đòi hỏi nghị lực và lòng quyết tâm của nhân loại không kém việc khuất phục Trái Đất. Nếu nhân loại do dự không hành động thì chính những phát minh tiến bộ sẽ chống lại họ.

Giáo hoàng Paul VI cũng đã trích dẫn quan điểm của Teilhard de Chardin⁷ khi bàn về các vấn đề ô nhiễm không khí và nước trong một bài diễn văn ngày 27 tháng 3 năm 1971: “sự lo lắng giờ đây là của toàn cầu gây ra bởi sự ô nhiễm của các yếu tố tự nhiên, các yếu tố này bị ràng buộc theo cách không thể tránh khỏi đời sống vật chất và thậm chí là đạo đức của con người”. Trong cùng năm đó,

Hồng y Villot, Thư ký của Tòa Thánh Vatican, đã có tuyên bố bất hủ: “Bất kỳ sự gây tổn hại nào với sự sáng tạo đều là sự lãng nhục Đấng sáng tạo” (Sajaloli và Grésillon, 2016). Sự tham gia của Giáo hoàng Paul VI trong Hội nghị Liên Hiệp Quốc về Môi trường Con người (Hội nghị Stockholm, tổ chức vào tháng 6 năm 1972) đã minh chứng cho mối quan tâm lo lắng ngày càng tăng của Giáo hội đối với các vấn đề môi trường.

Mối quan tâm tới môi trường dẫn tới sự thay đổi lập trường thần học của giáo hội Công giáo. “Thiên nhiên mang hình thức sáng tạo thần thánh, thế giới trở thành sự phản chiếu sức mạnh của Thiên Chúa, mối quan hệ giữa con người với sự sáng tạo giờ đây nằm dưới sự giám hộ của Thiên Chúa mà tiền đề thuyết coi loài người là trung tâm của vũ trụ (Anthropocentrisme)⁸ cũng cần được xem xét lại” (Sajaloli và Grésillon, 2016).

Giáo hội Công giáo đáp trả sự chỉ trích của White thông qua việc diễn giải con người là chủ nhân (homme-maitre) thành con người là người bảo vệ (homme-gardien). “Giáo hội chủ yếu dựa trên hai lập luận: ý tưởng về sự phục tùng (soumission) là xa lạ với Kitô giáo, bản dịch các đoạn về Sáng thế ký đã giải thích sai” (Sajaloli và Grésillon, 2016).

2. Giáo hội Công giáo kêu gọi trách nhiệm đạo đức của nhân loại với môi trường, sinh thái

Giáo hoàng John Paul II đã nhận thức các vấn đề sinh thái đương đại và sự cần thiết phải xây dựng một học thuyết tâm linh tích hợp các mối quan hệ con người với thiên nhiên. Năm 1979, Giáo hoàng John Paul II tuyên bố Trái Đất là món quà từ Thiên Chúa, phải giữ gìn một cách cẩn thận và Thánh François d’Assise (Francis of Assisi)⁹ là Thánh quan thầy (người bảo trợ) cho các nhà sinh thái học (écologistes). Sự tuyên phong đó là khởi đầu cho thay đổi về mặt thần học và chính trị. Nhận thức của Giáo hội về việc tích hợp sinh thái học với thần học Công giáo và ảnh hưởng từ cuộc tranh luận về các vấn đề môi trường đã thúc đẩy sự phục hồi quan điểm Thiên Chúa là trung tâm (Théocentrisme)¹⁰.

Bên cạnh đó, phong trào Thần học Giải phóng¹¹ đưa ra quan điểm cấp tiến, chấp nhận một phần sự chuyển đổi hướng tới một mô hình sinh thái là trung tâm (paradigme écocentriste)¹², do đó từ bỏ chủ thuyết con người là trung tâm theo truyền thống tôn giáo. Các nhà thần học người Brazil như Leonardo Boff và Ivonne Gebara là một trong những nhân vật chính của bước ngoặt này (Turina, 2013: 27). Leonardo Boff - nhà thần học, triết gia và nhà văn nổi tiếng thế giới người Brazil, đã nhận giải thưởng Nobel năm 2001 vì những ý tưởng truyền cảm hứng về sinh thái, tâm linh, công bằng xã hội và quản lý môi trường. Ông cũng được biết đến là một trong những người sáng lập thần học giải phóng cùng với Gustavo Gutierrez của Peru.

Theo Willis Jenkins, bắt đầu từ giữa những năm 1980, khi các giáo hội Bắc Mỹ bắt đầu chú ý đến chủ nghĩa phân biệt chủng tộc môi trường (environmental racism) các nhà Thần học Giải phóng Nam Mỹ bắt đầu quan tâm tới sự chiếm hữu đất đai không công bằng, chiến lược công bằng sinh thái (strategy of ecojustice) đã làm rõ việc chính thức sử dụng công lý (Jenkins, 2008: 63).

Hơn nữa, ngày càng gia tăng sự quan tâm của phương Tây đối với các tôn giáo phương Đông, như: Phật giáo và Hindu giáo. Hai tôn giáo này cam kết hơn trong việc bảo vệ thiên nhiên. Điều đó dẫn Giáo hội Công giáo tới việc kiểm tra lại truyền thống Công giáo về sự sáng tạo và môi trường tự nhiên.

Tại khu vực Mỹ Latinh có sự liên kết giữa thần học và chủ nghĩa môi trường. Đó là địa bàn sinh sống của nhiều nhóm cư dân bản xứ với quan điểm phi nhị nguyên về mối quan hệ giữa nhân loại và thiên nhiên phi nhân loại. Trong cuộc đấu tranh chống lại sự tiến bộ của nền văn minh toàn cầu, họ tố cáo sự tàn phá các hệ sinh thái truyền thống nơi các bộ lạc sinh sống. Trong khi các tôn giáo bản xứ có hệ thống tín ngưỡng và nghi lễ được tập hợp với nhận thức về vũ trụ là nơi con người và phần còn lại của tự nhiên cùng chung sống trong sự hài hòa và hành động của con người phải giữ gìn để không làm tổn hại (Turina, 2013: 28).

Tư tưởng về sinh thái của Giáo hội Công giáo ngày càng phát triển hơn với các khái niệm khoa học thông qua những trao đổi liên tôn giáo (đặc biệt qua Phong trào Đại kết) diễn ra vào những thập niên 1980 và 1990 đã hình thành nên quan điểm về môi trường của Giáo hội. Từ những năm 2000, Giáo hội đã khuyến khích hành động bảo vệ thiên nhiên.

Giáo hội Công giáo đã đối thoại với các Giáo hội Tin lành và Chính Thống giáo về vấn đề môi trường. Hội đồng Đại kết các Giáo hội lần thứ 6 tổ chức tại Vancouver năm 1983, đã ủng hộ một quá trình hòa giải cam kết lẫn nhau vì công lý, hòa bình và sự toàn vẹn của sáng tạo. Năm 1987, nhà khoa học người Đức Carl Fiedrich von Weizsäcker đưa ra lời kêu gọi sự cần thiết có một hội đồng Kitô hữu thế giới vì hòa bình, công lý và bảo vệ sự sáng tạo. Lời kêu gọi đó được lắng nghe tại Hội nghị Đại kết Bâle năm 1989, nơi quy tụ 700 đại biểu chính thức từ các Giáo hội Công giáo, Tin lành, Chính Thống giáo và Anh giáo xoay quanh chủ đề “hòa bình và công lý cho sự sáng tạo” (Sajaloli và Grésillon, 2016).

Song song với phong trào Đại kết, Giáo hội Công giáo đưa ra một số sáng kiến và thông điệp của Giáo hoàng nhấn mạnh sự cần thiết phải cam kết hướng tới sự sáng tạo. Năm 1987, Giáo hoàng John Paul II, trong Chỉ dụ *Sollicitudo rei socialis* (encyclique *Sollicitudo rei socialis*) đề cập tới “mối quan tâm lo lắng đối với sinh thái” (*souci de l'écologie*). Năm 1990, Giáo hoàng đã nhắc lại mối quan tâm lo lắng đó nhân dịp kỷ niệm Ngày hòa bình của Thế giới “Hòa bình với Thiên Chúa đáng sáng tạo, Hòa bình với sự sáng tạo” (*la paix avec Dieu créateur, la paix avec toute la création*). Đặc biệt, vào năm 1991, Giáo hoàng John Paul II đã thêm vào *Chỉ dụ Centesimus annus* / năm của thế kỷ, rằng: “nhân loại tin có quyền sắp đặt, bố trí Trái Đất một cách tùy tiện, khuấy phục Trái Đất mà không cần xem xét liệu điều đó có được cho phép hay không, như thể Trái Đất đã không có hình dạng và vai trò khi Chúa ban cho con người, con người có thể phát triển nhưng không được phản bội. Thay vì thực hiện vai trò là cộng tác

viên của Thiên Chúa trong công việc sáng tạo, con người tự ý thay thế Thiên Chúa và do đó cuối cùng đã kích động cuộc nổi dậy của tự nhiên...” (Sajaloli và Grésillon, 2016).

Sau những thảm họa sinh thái vào cuối thế kỷ XX, Giáo hoàng John Paul II kêu gọi trách nhiệm đạo đức của con người đối với môi trường, gắn việc bảo vệ môi trường, sinh thái với tôn trọng sự sáng tạo của Thiên chúa. Trong bài thuyết giảng ngày 12 tháng 6 năm 1999 tại Zamosc, Giáo hoàng đã phát biểu: “Do đó, chúng ta phải nhận thức rằng đó là tội lỗi nghiêm trọng đè nặng lên lương tâm của chúng ta nếu chúng ta chống lại môi trường tự nhiên, điều này gây ra trách nhiệm nghiêm túc đối với Thiên Chúa là Đấng sáng tạo”. Vì vậy, làm tổn hại đến sự cân bằng sinh thái và sự đa dạng thiên nhiên là một tội lỗi, đó là sự xúc phạm đối với Thiên Chúa, nhưng cũng là một hành động sai trái về mặt đạo đức của cá nhân (Sajaloli và Grésillon, 2016).

Mối quan tâm sinh thái đối với Trái Đất của Giáo hội Công giáo được đặt ra một cách rõ ràng kể từ Thông điệp Caritas in veritate / Bác ái trong chân lý của Giáo hoàng Benedict XVI (29 tháng 6 năm 2009), Chương IV: Phát triển các dân tộc - Quyền và bổn phận môi sinh: “Môi trường này được Thiên Chúa ban cho tất cả mọi người. Đối với chúng ta, việc sử dụng môi trường đặt chúng ta trước một trách nhiệm đối với các người nghèo, với thế hệ tương lai và toàn thể nhân loại... Người tín hữu nhận ra công trình kỳ diệu của tác động sáng tạo của Thiên Chúa, điều này buộc con người phải sử dụng có trách nhiệm, khi thỏa mãn những nhu cầu vật chất và tinh thần với việc tôn trọng sự quân bình nội tại của sáng tạo... Ngày nay, những vấn đề liên quan đến việc chăm sóc và bảo vệ môi trường buộc phải chú tâm đến ‘vấn đề năng lượng’... Trách nhiệm này mang tính toàn cầu, không phải chỉ đụng chạm đến năng lượng, nhưng là toàn thể tạo thành, mà chúng ta không được phép trao lại cho những thế hệ tiếp nối một công trình tạo dựng đã bị bóc lột các tài nguyên. Chắc chắn con người có thể thực hiện việc quản lý đầy trách nhiệm đối với thiên nhiên để bảo vệ, hướng dùng và canh tác

bằng những hình thức mới nhờ sự trợ giúp của kỹ thuật tân tiến, để Trái Đất có thể đón nhận và nuôi toàn dân đang sống” (Trung tâm học vấn Đa Minh, 2018).

Thông điệp Bác ái trong chân lý của Giáo hoàng Benedict XVI mở ra sự cởi mở thần học và chính thức tích hợp sinh thái học vào giáo lý của Giáo hội. Theo đánh giá của Bertrand Sajaloli và Étienne Grésillon (2016), Thông điệp đánh dấu quá trình chuyển đổi giáo lý được thực hiện thông qua hệ sinh thái nhân văn, điều này phù hợp với suy nghĩ của Giáo hoàng John Paul II: bảo vệ thiên nhiên có nghĩa là bảo vệ con người và đạo đức Kitô giáo phải điều hành cả hai hành động.

Tại khu vực Mỹ Latinh, việc bảo vệ người nghèo gắn với sự nghiệp bảo vệ môi trường của Giáo hội Công giáo đã được bắt đầu từ khá lâu. Các giáo sỹ thường tham gia đấu tranh chống nạn phá rừng, cướp đất đai của nông dân (đặc biệt là cư dân bản xứ), khai thác khoáng sản, xây dựng các ngành công nghiệp gây ô nhiễm của các công ty nước ngoài. Hành động của họ đã mở ra chương trình nghị sự của tổ chức tôn giáo về đấu tranh bảo vệ môi trường sinh thái. Các giáo hội (gồm cả Tin lành) đã liên kết với xã hội trong vấn đề bảo vệ đất đai và môi trường sinh thái. Ví dụ, phong trào nông dân không có đất ở Brazil những năm 1980 đã nhận được hỗ trợ của dòng tiền bộ thuộc Công giáo và Tin lành.

Theo tác giả Isacco Turina trong bài viết *L'Église catholique et la cause de l'environnement* / Giáo hội Công giáo và sự nghiệp vì môi trường thì sự tham gia của tôn giáo vào cuộc đấu tranh nông thôn có từ những năm 1950 ở Brazil. Ủy ban Mục vụ Đất đai đã được thiết lập vào năm 1975 bởi một nhóm các giám mục, mà mục tiêu của họ là “cho phép Giáo hội đứng ở vị trí đương đầu với những xung đột ở nông thôn đã xuất hiện vào thời điểm đó, bởi vì ngày càng nhiều nông dân bị tước đoạt đất đai của họ”. Giáo hội Brazil phong các thánh tử đạo cho những người đã đấu tranh cho các vấn đề xã hội và môi trường. Ví dụ, sơ Dorothy Stang đã bị sát hại năm 2005 trong rừng nhiệt đới Amazon - nơi bà làm việc giúp

các gia đình nghèo chống lại mối đe dọa của các đại địa chủ. Từ những năm 1980, bà đã sống cùng với các gia đình nông thôn bị đe dọa di dời do việc xây dựng đường cao tốc xuyên qua rừng Amazon (Turina, 2013: 29).

Ngày 13 tháng 3 năm 2013, Jorge Mario Bergoglio được bầu vào chức Giáo hoàng, giáo hoàng đầu tiên không phải người châu Âu đến từ lục địa Nam Mỹ. Ông đã chọn tên Francis (François) để vinh danh Thánh François d'Assise, Thánh quan thầy (người bảo trợ) cho các nhà sinh thái học. Giáo hoàng Francis gần gũi với các nhà thần học giải phóng.

Giáo hoàng Francis đã xác nhận bước ngoặt về sinh thái của Giáo hội Công giáo với các cam kết đối với môi trường. Ông lên án xã hội tiêu dùng và toàn cầu hóa tài chính, đồng thời tích hợp khái niệm đa dạng sinh học trong diễn ngôn của giáo hội.

Tông thư *Laudato Si* (la lettre encyclique *Laudato Si*): Chăm sóc cho ngôi nhà chung của chúng ta (*On Care for Our Common Home*), ngày 24 tháng 5 năm 2015, đã kêu gọi sự chuyển đổi sinh thái toàn cầu. Tông thư ủng hộ sinh thái tích hợp trong đó đạo đức sinh học, đạo đức hành tinh, công bằng xã hội, môi trường, các chiều kích tâm linh của con người gắn liền với sinh thái đặc biệt là sự công bằng sinh thái (ecojustice)¹³.

Tông thư cho thấy ý chí của Vatican ảnh hưởng đến cuộc sống tại thành phố bằng cách lên án mạnh mẽ chủ nghĩa tiêu dùng, mô hình kinh tế kỹ thuật, tài chính hóa toàn cầu nền kinh tế và ủng hộ lối sống điều độ, đoàn kết 'lắng nghe cả tiếng kêu của Trái Đất và tiếng kêu của người nghèo'. Giáo hoàng Francis gây tiếng vang về tình trạng phi hiện đại từ chối tiến bộ, nhận thức được sự hữu hạn của thế giới và gần gũi với các lý thuyết về sự giảm thiểu. Ông cũng tán thành những lời chỉ trích về tiêu dùng xuất phát từ các trí thức Kitô giáo (những người dựa vào Phúc Âm để tán dương sự thanh bần) (Sajaloli và Grésillon, 2016).

Một số nhà hoạt động tham gia Diễn đàn về Tôn giáo và Sinh thái (the Forum on Religion and Ecology¹⁴) tập trung hơn vào thần

học thực tiễn (practical theologies) bằng cách đến gần Ân sủng. Walter Grazer, người làm việc về các vấn đề môi trường trong Giáo hội Công giáo Mỹ, đã quan tâm đến sự diễn giải lại vũ trụ luận của các nhà thần học hàn lâm và cho biết cộng đồng đức tin của ông cần một “chiến lược mục vụ” gắn với bối cảnh tâm linh và bí tích của thần học Công giáo. Grazer muốn các nhà đạo đức học làm cho các mối quan tâm về môi trường trở nên dễ hiểu trong các hoạt động cầu nguyện, phụng vụ và đọc Kinh Thánh của Công giáo (Jenkis, 2008: 16).

3. Hành động của Giáo hội Công giáo ứng phó với các vấn đề môi trường, biến đổi khí hậu

Tổ chức tư vấn phi chính phủ Pax Christi¹⁵ (Phong trào Công giáo quốc tế vì hòa bình) đã khởi xướng tư tưởng đại kết dựa trên nền tảng tôn giáo để bảo vệ thiên nhiên được bắt đầu vào cuối những năm 1980. Tổ chức này đã kiên quyết tham gia bảo vệ môi trường bằng cách tạo ra phong trào Hòa bình, môi trường và lối sống, sự sáng tạo. Pax Christi đã đóng vai trò tiên phong: được đánh dấu bởi Hội nghị Thượng đỉnh Trái Đất Rio với sự hỗ trợ của Giáo hoàng John Paul II (2006). Kết quả là có rất nhiều sáng kiến xanh của Công giáo (initiatives catholiques vertes) đầu tư vào các lĩnh vực sinh thái lớn ở tất cả các quy mô (Sajaloli và Grésillon, 2016).

Như đã đề cập ở trên, Thần học Giải phóng (phong trào tiên bộ được hình thành trong Giáo hội Mỹ Latinh từ cuối những năm 1960), bên cạnh việc lựa chọn ưu tiên cho người nghèo, đã tiếp cận phong trào môi trường từ những năm 1990.

Các tổ chức của Công giáo đã và đang tham gia vào các hoạt động để tích hợp các giá trị môi trường và các giá trị Kitô giáo. Nhiều giáo xứ, giáo phận và dòng tu Công giáo, ví dụ: Dòng các Nữ tu Phanxicô Maria (Franciscan Sisters of Mary), Phong trào Công giáo quốc tế vì hòa bình (Pax Christi) đã chính thức thông qua Hiến chương Trái Đất (Earth Charter). Hiến chương này đòi hỏi họ phải sử dụng năng lượng, tài nguyên một cách bền vững hơn

(Clements, McCright, Xiao, 2013: 2). Việc thông qua Hiến chương Trái Đất cho thấy cam kết của Giáo hội Công giáo theo đuổi mục tiêu “toàn vẹn của sự sáng tạo” và hiện thực hóa mục tiêu đó thông qua “sự toàn vẹn sinh thái”¹⁶.

Tại Pháp, Ủy ban Xã hội của Hội đồng Giám mục Pháp xuất bản cuốn sách Tôn trọng sự sáng tạo (*Le respect de la création*) năm 2000. Khuyến khích nhận thức của các Kitô hữu trở thành tuyên ngôn hành động. Do đó, mỗi Kitô hữu phải “suy nghĩ lại một cách nghiêm túc lối sống của mình, cho dù đó là thực phẩm - cần phải coi trọng sự tiết kiệm và điều độ, phương tiện giao thông, mua hàng hóa thiết bị, lựa chọn điếm đến cho các kỳ nghỉ lễ hoặc từ bỏ sự lãng phí. Thậm chí, Giáo hội Công giáo Pháp đề cập tới chủ đề người nhập cư, phân biệt chủng tộc và người vô gia cư, giáo hội cũng đề cập tới các vấn đề sinh thái, vấn đề ảnh hưởng đến toàn bộ sự sáng tạo của Thiên Chúa và làm phương hại cuộc sống hài hòa của con người, đặc biệt là những thế hệ tương lai” (Sajaloli và Grésillon, 2016).

Tác phẩm *Hướng tới sự thanh bần hạnh phúc* (*Vers une sobriété heureuse*) của tác giả Pierre Rabhi (2010) đã thúc đẩy sáng kiến “nhịn ăn vì khí hậu” (*jeûne climatique*). Đặc biệt, “nhịn ăn vì khí hậu” được Giáo hội Công giáo Pháp, tổ chức Kitô giáo vì Hòa bình (*Pax Christi*) hỗ trợ trong dịp Hội nghị Khí hậu diễn ra tại Paris từ ngày 30 tháng 11 đến ngày 11 tháng 12 năm 2015. Giám mục Stenger (thuộc nhóm các giám mục Xanh) đã mời các thành viên và những người không thành viên nhịn ăn hoặc tránh khí thải nhà kính càng nhiều càng tốt vào ngày đầu tiên mỗi tháng để đoàn kết với các nạn nhân của biến đổi khí hậu.

Giáo hội Công giáo Pháp đã đưa ra một văn bản cam kết về “những thách thức và trở ngại với sinh thái trong tương lai” (*les enjeux et les défis écologiques de l’avenir*) (Hội đồng Giám mục Pháp, 2012). Các giám mục theo dõi những công bố phát hiện khoa học: “Sự cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, biến đổi khí hậu, suy thoái hệ sinh thái, mất đa dạng sinh học”. Họ nhấn mạnh “tính không bền

vững của mô hình phát triển hiện tại của con người” (Sajaloli và Grésillon, 2016).

Phong trào liên kết Kitô hữu Pháp vì Trái Đất (le mouvement français Chrétiens unis pour la terre) được thành lập năm 2012. Phong trào đề nghị tất cả mọi người, Kitô hữu hoặc không, rung chuông tại cửa sổ của họ lúc 8 giờ tối. Phong trào với mục đích rung chuông là để báo thức, giống như trong một đám cháy, bởi vì “ngôi nhà chung của chúng ta đang cháy” và thập niên này là quyết định trước khi các vấn đề khí hậu không thể đảo ngược. “Rung chuông” cũng là một lời kêu gọi hãy tập hợp lại vì bạn phải khuyến khích, hỗ trợ lẫn nhau để tranh thủ thời kỳ này thay đổi nhãn quan cho nhiều người (lắng nghe tiếng chim, nấu ăn, đạp xe, sống chậm lại...). Cuối cùng, “rung chuông ở cửa sổ” cũng giống như chơi nốt nhạc trong một buổi hòa nhạc “chuyển đổi sinh thái triệt để” (conversion écologique radicale) với chiều kích của nội tâm và tâm linh (Morosini, 2020).

Dòng Tên đã tổ chức một hội nghị chuyên đề ở Paris về Sự chuyển đổi năng lượng công bằng: Một thách thức đối với châu Âu tháng 9 năm 2014¹⁷. Mục đích của Hội nghị: Để truyền đạt thông tin về quá trình chuyển đổi năng lượng đến đối tượng quan tâm; Để nâng cao nhận thức về vấn đề công bằng xã hội vốn có trong dự án chuyển đổi năng lượng; Để mở ra cuộc đối thoại giữa các ngành và nhân tố khác nhau; Để cung cấp các công cụ để hiểu và phương tiện hành động mới cho các tổ chức khác nhau.

Một phong trào quy tụ hàng trăm tổ chức Công giáo trên khắp thế giới hoạt động trong lĩnh vực sinh thái hưởng ứng lời kêu gọi của Giáo hoàng Francis trong Tông thư *Laudato Si* đã hình thành.

Phong trào Công giáo vì khí hậu toàn cầu (Global Catholic Climate Movement - GCCM) ra đời ngay sau Tông thư, phát triển thêm các tổ chức mới mỗi năm ở Caritas (Cứu trợ Công giáo Thế giới), các giáo phận, giáo đoàn, trường đại học. Tại Philippines, Yeb Sano, nguyên là một nhà ngoại giao, người chịu trách nhiệm

về Hòa bình xanh, đã vận động giáo hội địa phương và giám mục Manila hướng về hệ sinh thái. Ở Nam Mỹ, Mạng lưới sinh thái dòng Tên (Réseau Ecojesuit) tập hợp các tu sĩ dòng Tên cam kết với hệ sinh thái. Những người Công giáo trẻ từ khắp nơi trên thế giới (được quy tụ trong tổ chức Thế hệ Laudato Si - Génération Laudato Si) đã đình công vì khí hậu phối hợp với Greta Thunberg (Morosini, 2020).

Các sáng kiến Công giáo xanh đầu tư vào các lĩnh vực sinh thái lớn. Tổ chức của các Kitô hữu với lối sống khác (Vivre Autrement) đã tập hợp 25 hiệp hội thực hiện các hành động chung vì sự phát triển bền vững “bởi vì Kinh Thánh dạy chúng ta rằng Trái Đất là một món quà từ Thiên Chúa mà con người phải quản lý bằng trí tuệ, bởi vì lối sống của chúng ta gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho môi trường, hiểm họa cho tương lai nhân loại”. *Phong trào Thanh niên Kitô giáo Nông thôn* (Le Mouvement Rural de Jeunesse Chrétienne), *Phong trào liên kết Kitô hữu Pháp vì Trái Đất* (les Chrétiens Unis pour la Terre), *Hội thảo Trách nhiệm của Kitô hữu với Sáng tạo* (Chrétiens coresponsables de la Création), *Ủy ban Công giáo chống nạn đói và hỗ trợ sự phát triển* (Comité catholique contre la faim et pour le développement CCFD-Terre Solidaire) đang tăng cường các chiến dịch nhận thức và hành động như: nhịn ăn vì khí hậu, Mùa Chay sinh thái, Giáng sinh khác đi, Ngày của sự Sáng tạo. Các nhóm thuộc vùng hoặc tỉnh, như: *Kitô hữu và Sinh thái tỉnh Loiret* (Chrétiens et Écologie du Loiret), hoặc *Hội thảo Kitô hữu của Sinh thái* (Assises chrétiennes de l'Écologie) của Giáo phận Saint Etienne cũng đã gia nhập vào các phong trào này (Grésillon et Sajaloli, 2015).

Tại Pháp, sự khởi xướng thứ ba đã lan rộng trong các giáo phận và cùng với các giáo hội xanh (Églises vertes) (mạng lưới của 470 giáo hội tham gia vào “sự chuyển đổi sinh thái”), điều này xuất phát từ suy tư của Bruno Latour trong “Hạ cánh ở đâu sau đại dịch?” (Où atterrir après la pandémie?). Bruno Latour, triết gia người Công giáo, đã làm việc trong nhiều năm để giúp trường

Bernardins (Collège des Bernardins) với suy tư của ông về “cội rễ của sự vô cảm sinh thái” và “sự đóng góp khái niệm của Gaïa vào nền thần học” (les racines de l’insensibilité écologique et l’apport du concept de Gaïa à la théologie) (Morosini, 2020).

Tại Australia, nghiên cứu của Rosemary Leonard và Miriam Pepper về Thái độ đối với biến đổi khí hậu và hành động để giảm sử dụng năng lượng của các Kitô hữu đi lễ nhà thờ: Những tác động của các hệ phái tôn giáo và vốn xã hội đã tiến hành các cuộc khảo sát định lượng về những người đi lễ nhà thờ. Cuộc khảo sát này thu thập dữ liệu của khoảng 20 hệ phái Kitô giáo (Công giáo, Anh giáo, đạo Tin lành) trên khắp Australia và từ bảng thống kê hàng năm từ năm 1991.

Các tác giả đưa ra một số nhận xét: Phân tích so sánh giữa những người đi lễ nhà thờ và người dân Australia nói chung cho thấy rằng, những người đi lễ nhà thờ thân thiện với môi trường hơn một chút. Các nhà lãnh đạo tôn giáo đóng vai trò quan trọng trong việc ủng hộ những chuyển đổi tích cực về mặt thái độ cũng như hành động bởi vì họ đại diện cho các nguồn thông tin đáng tin cậy về biến đổi khí hậu (Leonard và Pepper, 2015: 326-327). Những Kitô hữu đi lễ nhà thờ thuộc các hệ phái có ảnh hưởng nhất có mối lo ngại ngày càng tăng về môi trường. Các hệ phái và Hội đồng các Giáo hội Quốc gia (National Council of Churches) đã có các tuyên ngôn về môi trường, trong đó có tuyên bố liên quan tới sự biến đổi khí hậu kêu gọi các thành viên quan tâm đến Trái Đất và hành động hào phóng đối với các cộng đồng nhân loại chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu. Các sáng kiến đại kết bao gồm các chương trình “Nhiệm vụ sinh thái” (EcoMission) của Hội đồng các Giáo hội Quốc gia và hoạt động hàng năm “Mùa Sáng tạo” (Season of Creation). Các hành động sinh thái thực tế hiện đang diễn ra ở cấp địa phương và vùng, như: chương trình giáo dục, kiểm soát năng lượng, lắp đặt các tấm pin mặt trời và vườn cộng đồng. Nhiều tổ chức cứu trợ và nhân đạo Kitô giáo quốc tế, như: *Hoàn Cầu Khái Tượng* (World Vision), *Bác ái xã hội* (Caritas), *Các tổ chức từ*

thiện xã hội (TEAR Australia, Uniting World) hiện nay đã tham gia vào chương trình nhận thức về biến đổi khí hậu và/ hoặc vận động chính trị với lý do vì những hậu quả của biến đổi khí hậu đối với người nghèo và sự khuyến khích của giáo hội quốc tế (Leonard và Pepper, 2015: 328). Phần lớn các Kitô hữu đi lễ nhà thờ được xem là những công dân dân thân và có trách nhiệm. Các Kitô hữu tin có sự biến đổi khí hậu và tham gia vào các hành động giảm năng lượng khi các hành động đó được bình thường hóa trong xã hội và đặc biệt là khi các hành động được coi là chuẩn mực Kitô giáo. Điều đặc biệt quan trọng là nhận thấy sự gia tăng (hơn 80% năm 2011) số lượng những người tin rằng môi trường là trách nhiệm của Kitô hữu (Leonard và Pepper, 2015: 339).

Tuy nhiên, các nghiên cứu về mối quan hệ giữa Kitô giáo với môi trường, sinh thái nói chung, Công giáo nói riêng cho thấy một số kết quả rất khác nhau. Các nghiên cứu khoa học đã xuất bản phần lớn được thực hiện tại Mỹ. Những nghiên cứu này cho thấy mối quan hệ giữa Kitô giáo và chủ nghĩa sinh thái là rất phức tạp. Kitô giáo có tiềm lực khuyến khích, trợ giúp chủ nghĩa sinh thái nhưng cũng cản trở các hoạt động giảm năng lượng (Leonard và Pepper, 2015: 329).

Nghiên cứu của David M. Konisky: *The Greening of Christianity? A Study of Environmental Attitudes Over Time* cơ bản dựa trên các hệ phái chính, như: Công giáo, Tin lành và các mức độ niềm tin khác nhau thông qua đo lường tần suất tham dự thánh lễ tại nhà thờ. Nghiên cứu này dựa trên dữ liệu của Gallup¹⁸ về giả thiết ‘Kitô giáo xanh’. Tác giả đi tới kết luận rằng, “các cuộc khảo sát của Gallup cung cấp sự đo lường các thái độ khác nhau đối với môi trường qua thời gian. Thông qua việc phân tích các dữ liệu này, có rất ít hoặc không có bằng chứng ủng hộ luận điểm ‘Kitô giáo xanh’ giữa những cá nhân tự xác nhận niềm tin Kitô giáo” (Konisky, 2017: 22).

Jens Koehrsen khảo cứu vai trò của các tôn giáo trong quá trình chuyển đổi năng lượng địa phương ở thành phố Emden, phía Tây Bắc nước Đức¹⁹. Tác giả lý giải sự tham gia kém tích cực của các

tôn giáo vào các chương trình chuyển đổi năng lượng địa phương là do các giáo hội ưu tiên ba vấn đề: công bằng xã hội, hòa bình và bảo tồn sự sáng tạo. Các chủ đề như sự nghèo khổ, giảm nghèo và hòa bình phổ biến hơn nhiều so với biến đổi khí hậu và chuyển đổi năng lượng trong các hoạt động truyền thông và sự kiện của các giáo hội địa phương.

Nghiên cứu của Cristián Parker về *Tôn giáo và chuyển đổi năng lượng: Nghiên cứu trường hợp Nam Mỹ* đã đưa ra kết luận: Một mặt, chúng ta thấy một bộ phận không ủng hộ chuyển đổi hướng tới sản xuất và tiêu thụ năng lượng bền vững là tín đồ của các giáo hội thiết chế hóa: Công giáo, Phúc Âm²⁰, giáo hội truyền giáo (Mormon, Chứng nhân Jehovah, Cơ đốc Phục Lâm). Mặt khác, chúng ta cũng nhận thấy những người ủng hộ chuyển đổi năng lượng là những người thuộc về nhóm không tôn giáo: những người vô thần, không đức tin và bất khả tri (Parker, 2015b: 356).

Kết luận

Sự ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng môi trường diễn ra vào những năm 60, 70 của thế kỷ 20, các thảo luận khoa học về môi trường, sinh thái, đặc biệt ‘sinh thái chính trị’ đã đưa Giáo hội Công giáo đến việc xem xét, diễn giải lại thần học Kitô giáo. Giáo hoàng Paul VI đã có quan điểm tiến bộ khi cho rằng ‘con người có bổn phận phải dùng tài năng của mình để tăng giá trị của vũ trụ’. Giáo hoàng John Paul II đã có ý tưởng xây dựng một học thuyết tâm linh tích hợp các mối quan hệ con người với thiên nhiên. Dưới thời Giáo hoàng John Paul II, Giáo hội Công giáo đã đối thoại với các giáo hội Tin lành, Chính Thống giáo qua phong trào đại kết với cam kết bảo vệ sự toàn vẹn của sáng tạo. Mối quan tâm sinh thái của Giáo hội Công giáo đã có bước ngoặt dưới thời Giáo hoàng Benedict XVI với quan điểm sinh thái nhân văn, đó là sự tiếp nối ý tưởng “bảo vệ thiên nhiên có nghĩa là bảo vệ con người” của Giáo hoàng John Paul II. Giáo hoàng Francis đã lên án chủ nghĩa tiêu dùng, ủng hộ việc giảm thiểu tiêu thụ.

Các giáo hội địa phương, giới trí thức, tín đồ Công giáo đã hiện thực hóa các thông điệp của Giáo hội thông qua hành động vì môi trường. Các phong trào, tổ chức xã hội đã tham gia tích cực vào chống chặt phá rừng, bảo vệ đất đai, nguồn nước (trường hợp Mỹ Latinh); các chương trình tiết kiệm năng lượng, giảm tiêu dùng, nhịn ăn vì khí hậu (Mỹ, Australia và châu Âu). Một số tín đồ Công giáo đã thực hành lối sống khắc khổ, tránh xa các mô hình tiêu dùng. Lối sống đó ngày càng phù hợp với sự tìm kiếm, ứng dụng các nguồn năng lượng sạch, có thể tái tạo, như: địa nhiệt, nhiệt Mặt Trời, gió và nước. Đặc biệt, phong trào Công giáo quốc tế vì hòa bình (Pax Christi) không chỉ hành động vì hòa bình và chống đói nghèo, tổ chức này đã có nhiều ‘sáng kiến xanh’ vì môi trường.

Qua những cứ liệu trên cho thấy các tín đồ Công giáo đã và đang theo đuổi lý tưởng “công bằng sinh thái”²¹ thông qua việc dẫn thân ngày càng nhiều hơn vào các phong trào Kitô giáo ở các nước đang phát triển. Các hoạt động môi trường gắn liền với bảo vệ những người chịu hậu quả do ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu.

Kết quả của một số nghiên cứu cho thấy các nhà lãnh đạo tôn giáo đóng vai trò quan trọng trong việc ủng hộ những chuyển đổi tích cực về mặt thái độ cũng như hành động vì môi trường. Các Kitô hữu tin có sự biến đổi khí hậu và các hành động vì môi trường được coi là chuẩn mực Kitô giáo và trách nhiệm của Kitô hữu.

Tuy nhiên, qua một số nghiên cứu trường hợp (Mỹ, Nam Mỹ, Đức) cho thấy Kitô giáo nói chung và Công giáo nói riêng chưa tham gia tích cực cũng như ủng hộ việc sản xuất và tiêu thụ năng lượng bền vững. Có lẽ các giáo hội dành sự quan tâm ưu tiên cho vấn đề công bằng xã hội, hòa bình. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Lynn White (1907-1987), Nhà sử học về thời Trung cổ, Giáo sư đại học Los Angeles.
- 2 Trào lưu chính thống Kinh Thánh hoặc phép trực giải là một cách để đọc và áp dụng các văn bản Kinh Thánh giống như chúng được viết để trả lời một câu hỏi cụ thể trong tình hình hiện nay (Trích từ trang web của Église protestante Unie de France communion luthérien et réformée, truy cập ngày 14 tháng 5 năm 2020).
- 3 Écologie politique: mouvement d'idées visant à faire entrer les buts et valeurs de l'écologie dans les programmes de gouvernement/ Sinh thái chính trị, phong trào với ý tưởng hướng tới việc đưa những mục tiêu và giá trị của hệ sinh thái vào trong các chương trình của chính phủ. Theo từ điển La Rousse.
- 4 Bản dịch Việt ngữ của Giáo hoàng Học viện Piô X.
- 5 “Hãy sanh sản, thêm nhiều, làm cho đầy đầy đất; hãy làm cho đất phục tùng, hãy quản trị loài cá dưới biển, loài chim trên trời cùng các vật sống hành động trên mặt đất” (Sáng thế ký 1: 28).
- 6 Food and Agriculture Organization of the United Nations- Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc hay Tổ chức Nông lương Liên Hiệp Quốc được thành lập ngày 16 tháng 10 năm 1945 tại Canada.
- 7 Pierre Teilhard de Chardin (1881- 1955) nhà thần học, cổ sinh vật học, linh mục dòng Jesus, khẳng định trong tác phẩm *Le phénomène human* (1955) rằng vật chất và linh hồn là hai mặt của tâm linh. Ông cho rằng, “Con người không phải là trung tâm của thế giới mà là đường trục và mũi tên của sự tiến hóa”. Bị cấm xuất bản từ 1921, năm 1962 các di cảo của ông vẫn bị Vatican chỉ trích. Cho tới năm 2003 ông được Giáo hoàng Benedict XVI và Francis phục hồi danh dự, được xem như nhân vật tiên phong trên bình diện hành động, tư tưởng.
- 8 Anthropocentrisme: Système ou attitude qui place l'homme au centre de l'univers et qui considère que toute chose se rapporte à lui/ Hệ thống hoặc quan điểm đặt con người vào trung tâm của vũ trụ và cho rằng mọi thứ liên quan đến con người. Theo từ điển La Rousse.
- 9 Francis Assisi là một tu sĩ Công giáo người Italy, phó tế và nhà thuyết giáo. Ông thành lập một số dòng tu như: the men's Order of Friars Minor, the women's Order of Saint Clare, the Third Order of Saint Francis, the Custody of the Holy Land. Tu sĩ Francis Assisi là một trong những nhân vật được tôn sùng nhất trong Kitô giáo. Ông đã trở nên gắn liền với sự bảo trợ của động vật và môi trường tự nhiên, và điều đó đã trở thành phong tục cho các nhà thờ tổ chức các nghi lễ ban phước lành cho động vật vào hoặc gần ngày lễ 4 tháng 10 của ông

(https://vi.wikipedia.org/wiki/Phanxicô_thành_Assisi, truy cập ngày 30/5/2020)

- 10 Théocentrisme: Disposition d'esprit ou attitude consistant à placer Dieu et ceux qui sont investis de l'autorité religieuse au centre de toute vision du monde et de toute interprétation de l'histoire. Khuynh hướng tư duy hoặc thái độ đặt Thiên Chúa và những người được trao uy quyền tôn giáo vào trung tâm của bất kỳ thế giới quan và cách giải thích lịch sử nào. Theo từ điển La Rousse.
- 11 Thần học giải phóng bắt đầu hình thành vào cuối thập niên 1960 trong Giáo hội Công giáo La Mã ở Mỹ Latinh. Thuyết thần học này đưa ra quan điểm mới là giáo hội có trách nhiệm giúp đỡ con người tự giải phóng cho chính mình khỏi sự đói nghèo và bất công đang xảy ra và đặc biệt phổ biến trong các nước Thế giới thứ ba (vi.wikipedia.org/wiki/thần_học_giải_phóng, truy cập ngày 30/5/2020)
- 12 Ecocentrism là một thuật ngữ được sử dụng trong triết học chính trị sinh thái để biểu thị thiên nhiên làm trung tâm, trái ngược với hệ thống các giá trị lấy con người làm trung tâm. (en.wikipedia.org/wiki/ecocentrism, truy cập ngày 22/5/2020).
- 13 Công bằng sinh thái liên quan đến các vấn đề xã hội và môi trường trong thần học thực tiễn (missiology): khi Thiên Chúa hiệp thông (reconcile) với cộng đồng nhân loại. Thiên Chúa cũng hiệp thông với tất cả những gì thuộc về sự sáng tạo (Willis Jenkins, 2008: 62). Công bằng sinh thái tập trung vào sự toàn vẹn của sáng tạo; công bằng môi trường (environmental justice) dựa trên sự toàn vẹn sinh thái của nhân loại (Willis Jenkins, 2008: 64).
- 14 Diễn đàn Yale về tôn giáo và sinh thái là một dự án đa tôn giáo quốc tế góp phần vào một lĩnh vực học thuật mới và cam kết đạo đức của chủ nghĩa môi trường tôn giáo. Với các hội thảo, ấn phẩm, bản tin hàng tháng và trang web, diễn đàn khám phá thế giới quan tôn giáo, văn bản và đạo đức để đóng góp cho các giải pháp môi trường cùng với khoa học, chính sách, luật pháp, kinh tế và công nghệ. Diễn đàn được thành lập vào năm 1998 bởi Mary Evelyn Tucker và John Grim và có trụ sở tại Đại học Yale từ năm 2006 (Yale School of forestry & Environmental Studies, truy cập ngày 14 tháng 6 năm 2020).
- 15 Tổ chức này được thành lập tại Pháp năm 1945 theo sáng kiến của các Kitô hữu người Pháp và người Đức. *Pax Christi* trở thành Phong trào Công giáo quốc tế vì hòa bình năm 1950. Ngày nay, *Pax Christi* là một tổ chức tư vấn phi chính phủ hoạt động bên cạnh Liên Hợp Quốc và Liên minh Châu Âu. Tổ chức này hướng tới hòa bình, mối quan hệ giữa phát triển và hòa bình. Tổ chức này thành lập Ủy ban Công giáo chống nạn đói và hỗ trợ phát triển năm 1961. Tại Pháp, *Pax Christi* do Giám mục Stenger, "Giám mục Xanh" (l'évêque vert) lãnh đạo và Dominique Lang, blogger của "Giáo hội và Sinh thái" (Églises et Écologies), là tuyên úy.

- 16 Chương II, Hiến chương Trái Đất đề cập tới “Sự toàn vẹn sinh thái” (Ecological Integrity): Bảo vệ và khôi phục tính toàn vẹn của các hệ sinh thái của Trái Đất, đặc biệt quan tâm đến sự đa dạng sinh học và các quá trình tự nhiên duy trì sự sống; Ngăn chặn sự tổn hại là phương pháp bảo vệ môi trường tốt nhất và khi kiến thức còn bị hạn chế, áp dụng phương pháp phòng ngừa; Áp dụng các mô hình sản xuất, tiêu thụ và tái sản xuất nhằm bảo vệ khả năng tái tạo của Trái Đất, nhân quyền và sự thịnh vượng của cộng đồng; Nâng cao nghiên cứu về tính bền vững sinh thái và thúc đẩy trao đổi cởi mở và áp dụng rộng rãi các kiến thức thu được.
- 17 The international conference entitled “A fair energy transition - a challenge for Europe”, on 10-12 September, 2014 at the Panthéon Sorbonne in Paris.
- 18 Gallup là một công ty tư vấn và phân tích của Mỹ có trụ sở tại Washington, D.C. được thành lập bởi George Gallup vào năm 1935. Công ty được biết đến với các cuộc thăm dò dư luận được tiến hành trên toàn thế giới. Bắt đầu từ những năm 1980, Gallup chuyển đổi hoạt động kinh doanh của mình để tập trung vào việc cung cấp tư vấn phân tích và quản lý cho các tổ chức trên toàn cầu.
- 19 Có ba hệ phái chính: Giáo hội Công giáo (Catholic Church), Giáo hội Luther (Lutheran Church) và Giáo hội Cải cách (Reformed Church). Hai hệ phái Tin lành đại diện cho phần lớn dân số: theo điều tra dân số năm 2011, 66,3% dân số thuộc về Giáo hội Luther và Giáo hội Cải cách với số lượng gần như bằng nhau, trong khi người Công giáo chiếm 8,8% dân số (Xem thêm Koehrsen, 2015).
- 20 Chủ nghĩa Phúc âm (*Evangelicalism*), cũng gọi là phái Phúc âm hay phong trào Tin lành, là thuật từ thường được dùng để chỉ một trào lưu liên hệ phái thuộc cộng đồng Kháng Cách với các đặc điểm: tập trung vào nỗ lực truyền bá phúc âm, trải nghiệm quy đạo, lời chứng về đức tin cá nhân, và có quan điểm truyền thống về Kinh Thánh, duy trì quan điểm rằng trọng tâm của phúc âm chứa đựng trong giáo lý về sự cứu rỗi bởi đức tin vào sự đền tội của Chúa Jesus. Phong trào đạt được đà phát triển mạnh trong các thế kỷ 18 và 19 với sự xuất hiện của phong trào Giám lý và các cuộc Đại Tỉnh thức tại quần đảo Anh và Bắc Mỹ, cũng như chịu ảnh hưởng từ phong trào Sùng tín, Giáo hội Moravia, Giáo hội Trưởng lão và Thanh giáo. Từ cuối thế kỷ 18, những cuộc phục hưng khởi phát trong vòng các giáo phái khác nhau được gọi chung là trào lưu phúc âm. John Wesley được xem là người có ảnh hưởng lớn trong việc hình thành và phát triển phong trào phúc âm. Khởi phát từ khi Wesley rong ruổi trên lưng ngựa đi khắp nước Anh để thuyết giáo, phong trào lan truyền sang các khu định cư tại Mỹ, rồi từ đó phát triển đến nhiều nơi trên thế giới, mặc dù Wesley là một mục sư Anh giáo và ông không có ý định tách rời khỏi Anh giáo. Đến thập niên 1820, đức tin phúc âm chủ nghĩa lan tỏa

trên khắp nước Mỹ và tạo lập ảnh hưởng đáng kể trên tiến trình hình thành các định chế xã hội cho đất nước này. Đặc điểm của phong trào này là nhấn mạnh vào trải nghiệm quy đạo của mỗi cá nhân, lòng sùng tín và sự chuyên cần nghiên cứu Kinh Thánh. Họ cũng quan tâm đến các vấn đề đạo đức xã hội như sự tiết độ, các giá trị gia đình, và chống chủ trương sở hữu nô lệ. Họ bác bỏ tính hình thức trong thờ phụng và trong thần học, cung cấp cho tín hữu và phụ nữ những vai trò quan trọng trong thờ phụng, truyền bá phúc âm, giảng dạy, và lãnh đạo. (Trích từ en.wikipedia.org/wiki/evangelicalism, ngày 15 tháng 5 năm 2020).

- 21 Đề cập đến mối quan tâm của các Kitô hữu liên quan đến đau khổ của con người, đặc biệt là những người dễ bị tổn thương nhất, bị đe dọa bởi sự bất công và thảm họa ngày càng tăng với sự ấm lên của khí hậu và khủng hoảng sinh thái. Ý tưởng này trùng hợp với công bằng sinh thái và phong trào của các nhà sinh thái học đấu tranh cho sự công bằng môi trường trên thế giới. (Xem thêm Parker, 2015b: 358).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Boersema J, Blowers A & Martin A (2008), The Religion-Environment Connection, *Environmental Sciences*, 5 (4): 217-221.
2. Clements, J. M., McCright, A. M., and Xiao, C. (2013), Green Christians? An Empirical Examination of Environmental Concern Within the U.S. General Public, *Organization and Environment* XX (X):1-18.
3. Dekker P, Ester P and Nas M (1997), Religion, culture and environmental concern: An empirical cross-national analysis, *Social Compass* 44(3): 443-458.
4. Greeley A (1993), Religion and attitudes toward the environment, *Journal for the Scientific Study of Religion* 13(1): 19-28.
5. Grésillon É et Sajaloli B (2015), L'Église verte ? La construction d'une écologie catholique : étapes et tensions, *Vertigo - la revue électronique en sciences de l'environnement* [En ligne], Volume 15 Numéro 1 | mai 2015, mis en ligne le 15 mai 2015, consulté le 24 avril 2019. URL : <http://journals.openedition.org/vertigo/15905>, ngày truy cập 5/6/2020.
6. Jenkins W (2008), *Ecologies of grace, Environmental ethics and Christian theology*, Oxford University Press.
7. Koehrsen J (2015), Does religion promote environmental sustainability? Exploring the role of religion in local energy transitions, *Social Compass*, 62(3): 296-310
8. Konisky (2017), The Greening of Christianity? A Study of Environmental Attitudes Over Time, *Environmental Politics*, November 14, 2017.

9. Leonard R và Pepper M (2015), Les attitudes face aux changements climatiques et les actions pour la décroissance énergétique des chrétiens pratiquants: les effets des persuasions religieuses et du capital social, *Social Compass*, 62(3): 326-343.
10. Morosini L (2020), “Laudato Si’”, un ferment de conversion écologique pour les chrétiens, *Reporterre*, 23 mai 2020.
11. Parker C (2015a), Changement climatique, transition énergétique et religions/ Climate change, energy transition and religions/ Biến đổi khí hậu, chuyển đổi năng lượng và tôn giáo, *Social Compass*, 62(3): 283-295.
12. Parker C (2015b), Religion et transition énergétique: une étude en Amérique du Sud, *Social Compass*, 62(3): 344-361.
13. Sajaloli B et Grésillon É (2016), L’Église catholique, l’écologie et la protection de l’environnement: chronique d’une conversion théologique et politique/ Giáo hội Công giáo, Sinh thái và bảo vệ môi trường: biên niên sử về sự thay đổi thần học và chính trị, *Géo Confluences*, <http://geoconfluences.ens-lyon.fr/informations-scientifiques/dossiers-thematiques/fait-religieux-et-construction-de-l-espace/articles-scientifiques/eglise-catholique-ecologie-conversion-theologique-et-politique>, ngày truy cập 5/8/2019.
14. Turina I (2013), L’Église catholique et la cause de l’environnement, *Terrain* [En ligne], 60 | mars 2013, mis en ligne le 01 janvier 2014, consulté le 03 mai 2019. URL: [terrain/15057](http://terrain.revues.org/15057); DOI: 10.4000/terrain.15057
15. Thông điệp *Populorum Progressio*/ Sự phát triển của các dân tộc, Giáo hoàng Paul VI (ngày 26 tháng 3 năm 1967), Website: Trung tâm học vấn Đa Minh, đăng tải ngày 23 tháng 9 năm 2018, truy cập 20/5/2020.
16. Thông điệp *Caritas in veritate*/ Bác ái trong chân lý, Giáo hoàng Benedict XVI (ngày 29 tháng 6 năm 2009), Website: Trung tâm học vấn Đa Minh đăng tải ngày 23 tháng 9 năm 2018, truy cập 20/5/2020.
17. Thông điệp *Laudato si’*, Giáo hoàng Francis (ngày 24 tháng 5 năm 2015), Bản dịch của Linh mục Nguyễn Văn Trinh, <http://www.chuacuuthe.com>. Ngày truy cập 25/5/2020.
18. White L Jr (1967), The historical roots of our ecologic crisis, *Science*, 155 (3767): 1203-1207.

Abstract**CATHOLIC CHURCH TOWARDS ENVIRONMENT AND ECOLOGY****Hoang Thi Bich Ngoc***Institute for Religious Studies, VASS*

Research on the relationship between religion and environment, ecology has been conducted since the 1980s in terms of theology, morality, the relationship between religious beliefs and attitudes, practices towards the environmental protection. Based on the synthesis and analysis of documents and results of previous studies, the article approaches the issue of Catholicism and the environment and ecology under two dimensions as follows: *firstly*, the Catholic Church's dissemination its values and worldview has led to Catholics' awareness of the environmental crisis, climate change, and encouragement concern for the environment and ecology; *secondly*, Catholic organizations and movements have practiced environmental protection, anti-climate change through programs of saving energy, sustainable energy consumption, land protection, and anti-destruction the forest. The study is carried out on using the chronological method to outline the cognitive processes, theological changes, and activities of the Catholic Church for the environment, ecology. The article is presented in three sections such as 1) The Catholic Church's viewpoints and attitudes in facing with the environmental and ecological crisis in the late twentieth century; 2) The Catholic Church's appeal to the moral responsibility of humanity towards the environment, ecology; 3) The Catholic Church's actions in response to environmental issues, climate change.

Keywords: Catholicism; environment; ecology; climate change.